

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 .

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 48



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 ngày 18/01/2017.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 23 ngày 18/01/2017 là 182.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tám mươi hai tỷ đồng chẵn).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Dân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 24/6/2021)
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 24/6/2021)
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 24/6/2021)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại mục 7.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Số: 100/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 29/3/2022, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



A blue handwritten signature, likely belonging to the auditor, written in a cursive style.

Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Lưu Minh Tới

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.547.261.272.236	1.323.482.632.135
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	171.723.368.317	116.715.340.181
1. Tiền	111		157.723.368.317	98.743.908.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	17.971.431.728
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		779.374.439.074	642.892.837.413
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	616.913.133.284	475.861.563.217
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	67.289.118.993	94.506.190.753
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	95.172.186.797	72.525.083.443
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	560.511.850.147	537.283.776.176
1. Hàng tồn kho	141		560.561.292.904	537.570.144.094
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(49.442.757)	(286.367.918)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		35.651.614.698	26.590.678.365
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	7.424.646.801	8.805.317.722
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.199.309.116	12.494.850.512
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	5.027.658.781	5.290.510.131
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		430.826.277.184	480.617.955.247
I Các khoản phải thu dài hạn	210		30.787.717.384	31.040.816.218
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	30.787.717.384	31.040.816.218
II Tài sản cố định	220		179.660.022.280	219.944.387.894
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	166.863.524.429	203.806.663.743
- Nguyên giá	222		741.680.655.910	763.912.516.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(574.817.131.481)	(560.105.853.203)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	12.796.497.851	16.137.724.151
- Nguyên giá	228		45.907.418.863	45.907.418.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.110.921.012)	(29.769.694.712)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.589.107.768	7.123.532.020
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	6.589.107.768	7.123.532.020
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		191.972.857.026	193.567.947.192
1. Đầu tư vào Công ty con	251	5.10	111.435.268.520	98.685.268.520
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	94.466.920.657	107.216.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	31.256.863.385	31.256.863.385
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.10	(45.186.195.536)	(44.256.997.770)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	665.892.400
VI Tài sản dài hạn khác	260		21.816.572.726	28.941.271.923
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	21.816.572.726	28.941.271.923
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.978.087.549.420	1.804.100.587.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.633.934.421.786	1.458.609.071.988
I- Nợ ngắn hạn	310		1.591.961.821.163	1.397.964.785.765
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	309.697.216.497	203.903.767.155
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.743.979.938	18.561.395.924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.631.371.581	4.633.820.698
4. Phải trả người lao động	314		49.948.798.305	76.244.280.275
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	20.205.760.929	21.787.647.806
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	15.169.456.229	25.811.049.269
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	108.493.114.371	24.435.440.810
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	1.046.683.081.488	996.941.750.908
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		27.389.041.825	25.645.632.920
II- Nợ dài hạn	330		41.972.600.623	60.644.286.223
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	56.218.000	336.080.764
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	27.711.654.922	28.164.208.274
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.095.500.000	1.569.500.000
4. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	13.109.227.701	30.574.497.185
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		344.153.127.634	345.491.515.394
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	344.153.127.634	345.491.515.394
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.569.314.206	31.399.897.713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		125.583.813.428	132.091.617.681
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		105.082.201.188	89.702.402.437
- LNST chưa phân phối kì này	421b		20.501.612.240	42.389.215.244
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.978.087.549.420	1.804.100.587.382

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyên

Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.687.600.607.460	2.652.795.112.866
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6.963.513.017	8.352.700.488
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.680.637.094.443	2.644.442.412.378
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.344.800.326.248	2.086.325.701.346
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		335.836.768.195	558.116.711.032
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	33.323.775.051	48.752.565.465
7. Chi phí tài chính	22	6.5	43.874.305.134	97.325.380.122
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		31.297.863.909	41.264.789.866
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	163.726.681.677	272.045.143.672
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	145.741.287.213	191.714.655.084
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		15.818.269.222	45.784.097.619
11. Thu nhập khác	31	6.8	13.507.495.350	9.272.831.221
12. Chi phí khác	32	6.8	55.586.714	177.923.689
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		13.451.908.636	9.094.907.532
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		29.270.177.858	54.879.005.151
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	4.268.211.713	3.184.840.218
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		25.001.966.145	51.694.164.933

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyền

Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.270.177.858	54.879.005.151
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		40.658.704.984	53.233.561.339
- Các khoản dự phòng	3		692.272.605	33.843.384.846
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		1.969.405.193	2.795.250.850
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.766.284.547)	(25.570.998.275)
- Chi phí lãi vay	06		31.297.863.909	41.264.789.866
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		87.122.140.002	160.444.993.777
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(145.620.999.491)	277.055.672.264
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.991.148.810)	177.966.838.075
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		137.555.828.765	(241.516.907.342)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.505.370.118	11.636.974.459
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.297.863.909)	(41.264.789.866)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.973.855.274)	(4.055.888.262)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.756.945.000)	(7.019.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.542.526.401	333.247.743.105
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(748.651.182)	(12.758.044.194)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.499.940.196	592.185.753
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		665.892.400	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.750.000.000)	(1.800.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.750.000.000	5.739.600.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.175.080.415	20.627.687.659
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.592.261.829	12.401.429.218
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.503.785.907.069	2.301.960.569.892
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.471.060.169.351)	(2.621.477.104.318)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.840.000.000)	(45.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.885.737.718	(365.016.534.426)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		55.020.525.948	(19.367.362.103)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		116.715.340.181	135.232.552.354
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(12.497.812)	850.149.930
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	171.723.368.317	116.715.340.181

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập



Nguyễn Ngọc Hiếu

Trưởng phòng kế toán



Đặng Minh Tuyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18/01/2017.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 23 ngày 18/01/2017 là 182.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi hai tỷ đồng chẵn*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2021: 3.014 người (tại ngày 31/12/2020 là: 3.536 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;...

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Từ đầu năm 2021, Đại dịch COVID-19 có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế thế giới nói chung, và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là may mặc hàng gia công xuất khẩu, do vậy, bị ảnh hưởng do việc giãn cách xã hội và đóng cửa nền kinh tế tại nhiều nước trên thế giới. So với năm 2020, kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng Công ty có sự sụt giảm mạnh, doanh số xuất khẩu của Tổng Công ty giảm 962,5 tỷ VND, tương ứng 36%. Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách hỗ trợ các tổ chức, cá nhân vượt qua khó khăn của Đại dịch COVID-19. Tổng Công ty thuộc diện được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất trong năm 2021 theo Nghị định số 52/NĐ/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính Phủ và thuộc đối tượng được giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Cụm Công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm Công nghiệp - Tiều thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.	Gia công hàng may mặc	55,56%	55,56%	55,56%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 9, đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	Gia công hàng may mặc	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	Số 105 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	51,84%	51,84%	51,84%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cụm Công nghiệp Tam Quan, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204 đường Thống Nhất, Phường Tân Thiện, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, Tổ 12, Phường Yên Đỗ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Số 68, Đường Nguyễn Khuyến, KP1, Thị trấn Vờ Xu, Huyện Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận.	Gia công hàng may mặc	26,54%	26,54%	26,54%
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Áp Bình Tạo, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.	Gia công hàng may mặc	43,89%	43,89%	43,89%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, Phường 7, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.	Gia công hàng may mặc	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Thôn Mũi Đá, Xã Tân Phước, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.	Kinh doanh địa điểm lưu trú	47,00%	47,00%	47,00%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Số 48, Đường Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Phú Nhơn, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.	Gia công hàng may mặc	47,50%	47,50%	47,50%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Số 71, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Bình Định, Xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	45,90%	45,90%	45,90%
Công ty Cổ phần May 9	Số 215, Đường Hàng Thao, Phường Ngô Quyền, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định.	Gia công hàng may mặc	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Số 04, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.	Dịch vụ vận tải	28,58%	28,58%	28,58%
Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Số 90, Đường Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh.	Xây dựng công trình	29,99%	29,99%	29,99%
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Số 139, Đường Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%	30,00%	30,00%
Các đơn vị trực thuộc		Địa chỉ			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát	Lô số 1, Khu công nghiệp dệt may Bình An, Khu phố Ngãi Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.				
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc	Số 54, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.				
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum	Km3, Quốc lộ 14, Phường Lê Lợi, Thành phố KonTum, Tỉnh KonTum.				
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định	Số 105 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc	Số 02, Ngách 61/4, Phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.				
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội	Số 136/138, Phố Kim Ngưu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.				
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh					

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2021.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá -413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ

Chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí khuyến mãi, chiết khấu; Chi phí nguyên vật liệu: vải chính.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian cho thuê mặt bằng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (hàng may mặc) và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng).

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- **Chi phí lãi vay:** Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- **Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái:** Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng, trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	8.040.421.013	6.061.887.787
Tiền gửi ngân hàng	149.575.359.396	92.682.020.666
Tiền đang chuyển	107.587.908	-
Các khoản tương đương tiền (i)	14.000.000.000	17.971.431.728
Tổng	171.723.368.317	116.715.340.181

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 3,3%/năm đến 5,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	(Trình bày lại)
		VND
BMB Clothing Group	39.507.894.765	40.506.171.681
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Nam - Vinatex	24.868.687.673	365.138.665
Arcadia Group Brands Ltd.	41.854.807.617	44.522.654.533
Các cửa hàng Mattana	23.065.572.983	20.920.788.932
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	32.751.585.276	32.751.585.276
JP Global Import INC	25.040.793.857	48.785.876.003
Generos De Punto Victrix, S.L.	-	11.888.554.923
Motivies	103.178.812.854	-
H&M Hennes & Mauritz	29.096.637.463	-
DEBENHAMS RETAIL	6.623.559.758	6.739.120.979
JC Penney Purchasing Corporation	-	1.052.872.032
Punto FA,S.L	8.486.110.559	10.825.075.360
Canda International OHG	-	2.471.964.959
Primark Store Ltd	679.363.008	1.899.127.157
Công ty cổ phần May Gia Lai	117.658.058.506	103.422.830.001
Phải thu các đối tượng khác	164.101.248.965	149.709.802.716
Tổng	616.913.133.284	475.861.563.217
<i>Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>158.981.031.438</i>	<i>144.056.826.949</i>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công Ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	16.665.565.834	16.665.565.834
Công Ty CP May Hoài Ân	12.499.980.879	21.499.980.879
Công Ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	23.814.679.861	21.175.276.812
Đối tượng khác	14.308.892.419	35.165.367.228
Tổng	67.289.118.993	94.506.190.753
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>38.913.899.581</i>	<i>40.840.842.646</i>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	95.172.186.797	-	72.525.083.443	-
Phải thu các Công ty con, công ty liên kết	71.328.602.552	-	53.159.451.743	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-	1.072.647.278	-
Bảo hiểm xã hội	6.395.292.793	-	5.585.047.636	-
Phải thu tạm ứng	444.467.651	-	2.089.265.255	-
Phải thu CBNV (i)	6.640.698.971	-	1.632.506.045	-
Dự án Đức Linh 2 (ii)	1.519.993.027	-	1.519.993.027	-
Ký quỹ, ký cược	155.476.000	-	210.209.750	-
Phải thu khác	8.687.655.803	-	7.255.962.709	-
Dài hạn	30.787.717.384	-	31.040.816.218	-
Phải thu khác các Công ty con, công ty liên kết	24.700.000.000	-	24.700.000.000	-
Công ty Cổ phần May Phù Cát (iii)	3.381.480.000	-	3.522.375.000	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	2.706.237.384	-	2.770.091.444	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	20.000.000	-
Phải thu khác	-	-	28.349.774	-
Tổng	125.959.904.181	-	103.565.899.661	-

*Trong đó, phải thu khác
từ các bên liên quan (Chi
tiết tại thuyết minh số 7.2)*

95.472.362.082

77.971.338.303

- (i) Tiền ăn giữa ca tạm ứng trước cho người lao động
- (ii) Tổng Công ty chi hộ cho Công ty Cổ phần May Nhà Bè Đức Linh về dự án Đức Linh 2.
- (iii) Phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Phụ lục 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/7/2011. Tổng Công ty sẽ căn trừ giá trị quyền sử dụng đất dần vào tiền gia công phải trả.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	1.514.397.309	-	1.411.722.420	-
Nguyên liệu, vật liệu	205.344.888.055	-	179.520.734.821	(149.550.779)
Công cụ, dụng cụ	14.577.579.036	-	13.306.892.635	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	224.049.150.726	-	194.254.700.189	-
Thành phẩm	56.226.352.815	(49.442.757)	75.234.857.907	-
Hàng hóa	5.147.246.791	-	7.225.738.131	(136.817.139)
Hàng gửi bán	53.701.678.172	-	66.615.497.991	-
Tổng	560.561.292.904	(49.442.757)	537.570.144.094	(286.367.918)

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	7.424.646.801	8.805.317.722
Chi phí thuê mặt bằng	2.283.097.980	3.890.903.961
Chi phí bảo hiểm	2.073.639.590	2.381.668.913
Chi phí quảng cáo	910.777.156	176.022.330
Chi phí công cụ dụng cụ	138.328.404	345.503.234
Chi phí phụ tùng	204.489.428	402.382.846
Chi phí sửa chữa	686.651.837	595.522.709
Chi phí khác	1.127.662.406	1.013.313.729
Dài hạn	21.816.572.726	28.941.271.923
Chi phí thuê đất	13.354.604.392	13.804.843.276
Chi phí sửa chữa	4.156.047.276	7.988.684.923
Chi phí công cụ dụng cụ	2.069.698.965	2.867.378.541
Máy móc thiết bị	387.213.441	1.432.051.311
Chi phí phụ tùng	670.651.162	825.561.496
Chi phí bảo hiểm	15.492.003	38.730.003
Chi phí quảng cáo	206.363.662	838.378.078
Chi phí khác	956.501.825	1.145.644.295
Tổng	29.241.219.527	37.746.589.645

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	245.365.350.735	416.708.844.393	93.518.149.991	8.320.171.827	763.912.516.946
Tăng trong năm	-	1.283.075.434	-	-	1.283.075.434
Mua trong năm	-	301.818.182	-	-	301.818.182
Chuyển từ Xây dựng cơ bản	-	981.257.252	-	-	981.257.252
Giảm trong năm	-	23.514.936.470	-	-	23.514.936.470
Thanh lý nhượng bán	-	23.514.936.470	-	-	23.514.936.470
Số dư tại ngày 31/12/2021	245.365.350.735	394.476.983.357	93.518.149.991	8.320.171.827	741.680.655.910
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	170.837.195.604	307.160.964.597	74.782.597.675	7.325.095.327	560.105.853.203
Tăng trong năm	9.442.730.406	23.757.827.788	3.819.544.130	297.376.360	37.317.478.684
Khấu hao trong năm	9.442.730.406	23.757.827.788	3.819.544.130	297.376.360	37.317.478.684
Giảm trong năm	-	22.606.200.406	-	-	22.606.200.406
Thanh lý nhượng bán	-	22.606.200.406	-	-	22.606.200.406
Số dư tại ngày 31/12/2021	180.279.926.010	308.312.591.979	78.602.141.805	7.622.471.687	574.817.131.481
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	74.528.155.131	109.547.879.796	18.735.552.316	995.076.500	203.806.663.743
Tại ngày 31/12/2021	65.085.424.725	86.164.391.378	14.916.008.186	697.700.140	166.863.524.429

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2021: 419.123.985.419 VND (tại ngày 01/01/2021 là 333.676.058.141 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 là 50.123.034.361 VND (tại ngày 01/01/2021 là 66.503.728.388 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	10.449.268.907	5.838.965.451	29.619.184.505	45.907.418.863
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	10.449.268.907	5.838.965.451	29.619.184.505	45.907.418.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	3.482.428.174	5.838.965.451	20.448.301.087	29.769.694.712
Tăng trong năm	392.936.304	-	2.948.289.996	3.341.226.300
Khấu hao trong năm	392.936.304	-	2.948.289.996	3.341.226.300
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	3.875.364.478	5.838.965.451	23.396.591.083	33.110.921.012
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	6.966.840.733	-	9.170.883.418	16.137.724.151
Tại ngày 31/12/2021	6.573.904.429	-	6.222.593.422	12.796.497.851

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 10.400.220.206 VND (tại ngày 01/01/2021 là 8.384.042.428 VND).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Mua sắm máy móc thiết bị	6.589.107.768	7.123.532.020
Tổng	6.589.107.768	7.123.532.020

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			111.435.268.520		(15.300.000.000)	98.685.268.520		(15.300.000.000)
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	27.782.000.000	(1)	-	27.782.000.000	(1)	-
Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%	17.850.000.000	(1)	-	17.850.000.000	(1)	-
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	15.300.000.000	(1)	(15.300.000.000)	15.300.000.000	(1)	(15.300.000.000)
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè (2)	51,00%	51,00%	25.500.000.000	(1)	-	12.750.000.000	(1)	-
Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%	11.535.620.000	(1)	-	11.535.620.000	(1)	-
Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%	7.650.000.000	(1)	-	7.650.000.000	(1)	-
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%	5.817.648.520	(1)	-	5.817.648.520	(1)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			94.466.920.657		(29.886.195.536)	107.216.920.657		(28.956.997.770)
1	Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh (3)	26,54%	26,54%	17.250.000.000	(1)	-	30.000.000.000	(1)	-
2	Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	15.360.000.000	(1)	-	15.360.000.000	(1)	-
3	Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	15.120.000.000	(1)	(15.120.000.000)	15.120.000.000	(1)	(15.120.000.000)
4	Công ty CP Du lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%	14.900.000.000	(1)	(5.266.195.536)	14.900.000.000	(1)	(4.336.997.770)
5	Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	47,50%	9.500.000.000	(1)	(9.500.000.000)	9.500.000.000	(1)	(9.500.000.000)
6	Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%	9.180.000.000	(1)	-	9.180.000.000	(1)	-
7	Công ty CP May 9	26,78%	26,78%	5.227.920.657	(1)	-	5.227.920.657	(1)	-
8	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	28,58%	28,58%	3.429.000.000	(1)	-	3.429.000.000	(1)	-
9	Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	3.000.000.000	(1)	-	3.000.000.000	(1)	-
10	Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	1.500.000.000	(1)	-	1.500.000.000	(1)	-
	Đầu tư vào đơn vị khác			31.256.863.385		-	31.256.863.385		-
1	Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	7.161.920.000	(1)	-	7.161.920.000	(1)	-
2	Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	5.802.843.385	(1)	-	5.802.843.385	(1)	-
3	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	2,61%	2,61%	5.337.100.000	(1)	-	5.337.100.000	(1)	-
4	Công ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	15,00%	15,00%	5.250.000.000	(1)	-	5.250.000.000	(1)	-
5	Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%	4.225.000.000	(1)	-	4.225.000.000	(1)	-
6	Công ty CP Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	3.480.000.000	(1)	-	3.480.000.000	(1)	-
	Tổng			237.159.052.562		(45.186.195.536)	237.159.052.562		(44.256.997.770)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (1) Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của các khoản đầu tư tài chính này.
- (2) Tổng Công ty tăng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 29/2020/HĐQT ngày 01/12/2020. Theo đó, Tổng Công ty mua thêm 1.275.000 cổ phần của Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè với giá mua bằng mệnh giá (10.000 VND/cổ phần), nâng giá gốc khoản đầu tư lên 25.500.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ biểu quyết vẫn giữ nguyên là 51,00% do Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- (3) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2020/HĐQT ngày 01/12/2020, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ 3.000.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh với giá chuyển nhượng là 10.000 VND/cổ phần. Đến ngày 31/12/2021, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 1.275.000 cổ phần Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè với giá chuyển nhượng 10.000 VND/cổ phần. Số cổ phần còn lại là 1.725.000 cổ phần, Tổng Công ty sẽ tiếp tục chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè với giá chuyển nhượng 10.000 đồng/cổ phần trong năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	309.697.216.497	309.697.216.497	203.903.767.155	203.903.767.155
Công ty Cổ phần May Gia Lai	33.454.019.687	33.454.019.687	19.440.022.894	19.440.022.894
Công ty Cổ phần May Tam Quan	16.950.198.294	16.950.198.294	20.129.974.930	20.129.974.930
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	12.332.435.082	12.332.435.082	2.492.891.254	2.492.891.254
Motives (Far East) Ltd.	36.525.512.094	36.525.512.094	-	-
Kufner Hong Kong Ltd.	3.306.539.590	3.306.539.590	2.334.979.231	2.334.979.231
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	12.864.966.305	12.864.966.305	18.879.480.647	18.879.480.647
Công ty Cổ phần May Phù Cát	5.475.748.882	5.475.748.882	522.897.079	522.897.079
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	16.033.301.750	16.033.301.750	6.805.070.353	6.805.070.353
Chi nhánh Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex - Nhà Máy May Vinatex Kiên Giang	1.077.554.077	1.077.554.077	851.239.894	851.239.894
Nhà cung cấp khác	171.676.940.736	171.676.940.736	132.447.210.873	132.447.210.873
Dài hạn	56.218.000	56.218.000	336.080.764	336.080.764
Công ty Cổ phần Long Phương Đông	56.218.000	56.218.000	336.080.764	336.080.764
Tổng	309.753.434.497	309.753.434.497	204.239.847.919	204.239.847.919
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>112.909.526.355</i>	<i>112.909.526.355</i>	<i>77.571.576.849</i>	<i>77.571.576.849</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	4.633.820.698	21.725.381.950	18.727.831.067	7.631.371.581
Thuế giá trị gia tăng	3.496.267.028	16.342.131.653	13.298.332.724	6.540.065.957
Thuế XNK	-	972.246.808	930.951.566	41.295.242
Thuế thu nhập cá nhân	851.013.700	1.569.909.737	2.212.473.935	208.449.502
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	286.539.970	2.841.093.752	2.286.072.842	841.560.880
Tổng	4.633.820.698	21.725.381.950	18.727.831.067	7.631.371.581
Phải thu	5.290.510.131	4.848.291.518	4.585.440.168	5.027.658.781
Thuế xuất, nhập khẩu	1.691.074.376	580.079.805	609.085.034	1.720.079.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.599.435.755	4.268.211.713	3.973.855.274	3.305.079.316
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2.499.860	2.499.860

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	8.330.455.161	14.579.616.075
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	453.893.593	41.180.994
Chi phí điện, nước, vận chuyển	6.219.991.227	959.173.393
Chi phí phải trả khác	5.201.420.948	6.207.677.344
Tổng	20.205.760.929	21.787.647.806

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	15.169.456.229	25.811.049.269
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.169.456.229	25.811.049.269
<i>Công ty Cổ phần Phục Vụ Mặt Đất Sài Gòn</i>	-	2.713.152.000
<i>Công ty TNHH NESTLE Việt Nam</i>	716.795.000	1.597.950.000
<i>Công ty TNHH Delta Galil VN</i>	379.451.112	379.451.112
<i>Các đối tượng khác</i>	14.073.210.117	21.120.496.157
Dài hạn	27.711.654.922	28.164.208.274
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	27.711.654.922	28.164.208.274
<i>Công ty Cổ phần May Tam Quan</i>	3.267.377.792	3.389.073.400
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát</i>	5.872.832.466	6.215.653.890
<i>Công ty TNHH Delta Galil VN</i>	14.380.199.924	15.139.102.148
<i>Công ty Cổ phần Công Nghệ Wash HNC</i>	4.191.244.740	3.420.378.836
Tổng	42.881.111.151	53.975.257.543

**Trong đó, doanh thu chưa thực hiện với các bên liên
quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)**

3.364.658.096

3.486.353.704

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	108.493.114.371	24.435.440.810
Kinh phí công đoàn	3.463.201.242	1.368.184.257
Bảo hiểm xã hội	6.625.890.403	4.900.659.097
Bảo hiểm y tế	5.083.416.262	4.335.077.871
Bảo hiểm thất nghiệp	1.635.161.150	1.452.343.290
Phải trả khác	91.685.445.314	12.379.176.295
<i>Công ty CP May Gia Lai</i>	<i>19.970.465.753</i>	<i>1.849.248.962</i>
<i>Công ty CP May Cửu Long</i>	<i>1.174.114.171</i>	<i>1.174.114.171</i>
<i>Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè</i>	<i>59.131.547.945</i>	-
<i>Công ty CP May An Nhơn</i>	<i>4.115.726.027</i>	-
<i>Phải trả khác</i>	<i>7.293.591.418</i>	<i>9.355.813.162</i>
Dài hạn	1.095.500.000	1.569.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.095.500.000	1.569.500.000
Tổng	109.588.614.371	26.004.940.810
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>83.217.739.725</i>	<i>1.887.175.966</i>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.046.683.081.488	1.046.683.081.488	1.520.993.367.038	1.471.252.036.458	996.941.750.908	996.941.750.908
<i>Vay ngắn hạn</i>	1.029.475.621.519	1.029.475.621.519	1.503.785.907.069	1.446.710.835.303	972.400.549.753	972.400.549.753
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	529.860.306.059	529.860.306.059	792.384.168.251	801.498.098.717	538.974.236.525	538.974.236.525
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (2)	355.602.566.934	355.602.566.934	565.651.814.470	543.674.833.501	333.625.585.965	333.625.585.965
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	47.221.694.612	47.221.694.612	48.711.575.673	68.948.612.443	67.458.731.382	67.458.731.382
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (4)	82.368.593.914	82.368.593.914	82.615.888.675	32.589.290.642	32.341.995.881	32.341.995.881
Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Quận 7 - Nhà Bè (5)	14.422.460.000	14.422.460.000	14.422.460.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	17.207.459.969	17.207.459.969	17.207.459.969	24.541.201.155	24.541.201.155	24.541.201.155
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (6)	5.775.840.000	5.775.840.000	5.775.840.000	10.945.680.000	10.945.680.000	10.945.680.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (7)	11.431.619.969	11.431.619.969	11.431.619.969	13.595.521.155	13.595.521.155	13.595.521.155
b) Vay dài hạn	13.109.227.701	13.109.227.701	-	17.465.269.484	30.574.497.185	30.574.497.185
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (6)	10.349.755.200	10.349.755.200	-	5.965.801.200	16.315.556.400	16.315.556.400
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (7)	2.759.472.501	2.759.472.501	-	11.499.468.284	14.258.940.785	14.258.940.785
Tổng	1.059.792.309.189	1.059.792.309.189	1.520.993.367.038	1.488.717.305.942	1.027.516.248.093	1.027.516.248.093

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty là khoản vay có thời hạn cho vay dưới 12 tháng. Danh sách cụ thể như sau:

[1] **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:** Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0077/2128/N-CTD ngày 21/10/2021; Hạn mức cho vay: 550.000.000.000 VND, đã bao gồm cả dư nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 0044/2028/N-CTD/01 ngày 12/8/2020; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; Mục đích sử dụng vốn vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định; Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

[2] **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh:** Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 28/9/2021 cho Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM-SĐBS04/NHCT 908-NBC ngày 28/5/2020; Hạn mức cho vay: 600.000.000.000 VND; Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 30/11/2021; Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động, thanh toán LC nhập khẩu, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay; Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay: không quá 9 tháng; Biện pháp bảo đảm: thế chấp động sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty.

[3] **Ngân hàng TMCP Á Châu:** Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.2439.17092020 ngày 28/10/2020; Hạn mức tín dụng là 170.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, trong đó hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động: 50.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương), hạn mức tài trợ xuất khẩu trước khi giao hàng: 120.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương); Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu; Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

[4] **Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:** Hợp đồng cho vay hạn mức số 3710/20/TD/I ngày 24/9/2020; Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương; Mục đích vay: tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mặt hàng may mặc xuất khẩu; Thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày 24/9/2020 đến ngày 24/9/2021; Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

[5] **Ngân hàng Chính sách xã hội Quận 7 - Nhà Bè:** Hợp đồng cho vay số Q7.05/2021/HĐTD ngày 17/12/2021; Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay trong hạn: 0%/năm, lãi suất vay quá hạn: 12%/năm; Mục đích vay: chi trả lương cho người lao động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty là các khoản vay có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 60 tháng. Danh sách cụ thể như sau:

[6] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm:

- + Các Hợp đồng vay số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27/02/2014, hạn mức vay không vượt quá 18.072.753.342 VND; Hợp đồng vay số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06/10/2014, hạn mức vay 5.690.000 USD. Mục đích vay để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng hợp đồng thế chấp bằng chính tài sản được hình thành từ vốn vay.
- + Hợp đồng bao thanh toán chuyên biệt theo hạn mức số 0026/1928/T-TL/01 ngày 21/8/2019, số tiền cho vay tối đa là 26.640.000.000 VND, nhưng không vượt quá 80% tổng mức đầu tư của Phương án đầu tư. Trong đó, thời hạn Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng đồng Đô-la Mỹ (USD) đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2019. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng là thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà Khách hàng đã thanh toán chi phí cho phương án đầu tư vượt phần vốn tự có tối thiểu phải tham gia theo phê duyệt của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ: 3,3%/năm với đồng Việt Nam (VND), 3,8%/năm với đồng Đô-la Mỹ (USD), lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 (ba) tháng/lần kể từ Ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Hình thức đảm bảo khoản vay là máy móc thiết bị mới hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có thuộc phương án đầu tư theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0063/1928/TCĐN1 ngày 21/8/2019. Phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 13/5/2020 về việc duy trì Hạn mức Bao thanh toán Chuyên biệt đến hết ngày 16/8/2020.

Tại ngày 31/12/2021, số dư nợ gốc vay là 16.125.595.200 VND, trong đó, số nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo là 5.775.840.000 VND.

[7] Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: gồm các Hợp đồng vay số 01/2018-HDDCVDDADDT/NHCT908-NHABECO ngày 04/6/2018, hạn mức vay không vượt quá 32.000.000.000 VND; Hợp đồng vay số 01/2017-HĐCVDADT-SĐBS02/NHCT908-NBC ngày 21/4/2017, hạn mức vay không vượt quá 21.300.000.000 VND; Hợp đồng vay số 02/2017-HĐCVDADT-SĐBS02/NHCT908-NBC ngày 18/9/2017, hạn mức vay không vượt quá 36.000.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lệ theo quy định. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017-HĐTC MMTB/NHCT908 và cam kết bảo lãnh bằng tài sản.

Tại ngày 31/12/2021, số dư nợ gốc vay là 14.191.092.470 VND, trong đó, số nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo là 11.431.619.969 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	182.000.000.000	31.399.897.713	135.202.402.437	348.602.300.150
Lãi năm trước	-	-	51.694.164.933	51.694.164.933
Chia cổ tức năm 2019	-	-	(45.500.000.000)	(45.500.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng và thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020	-	-	(6.720.241.442)	(6.720.241.442)
Tạm trích quỹ phúc lợi	-	-	(2.584.708.247)	(2.584.708.247)
Số dư tại ngày 31/12/2020	182.000.000.000	31.399.897.713	132.091.617.681	345.491.515.394
Số dư tại ngày 01/01/2021	182.000.000.000	31.399.897.713	132.091.617.681	345.491.515.394
Lãi trong năm nay	-	-	25.001.966.145	25.001.966.145
Phân phối lợi nhuận (i)	-	5.169.416.493	-	5.169.416.493
Chia cổ tức năm 2020 (i)	-	-	(21.840.000.000)	(21.840.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	(5.169.416.493)	(5.169.416.493)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 (ii)	-	-	(3.750.294.921)	(3.750.294.921)
Tạm trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 2021 (ii)	-	-	(750.058.984)	(750.058.984)
Số dư tại ngày 31/12/2021	182.000.000.000	36.569.314.206	125.583.813.428	344.153.127.634

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Trong năm, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 16/2021/HĐQT ngày 25/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông: 12% vốn điều lệ	21.840.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế	5.169.416.493
• Trích quỹ khen thưởng: 10% lợi nhuận sau thuế	5.169.416.493
• Trích quỹ phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế	2.584.708.247
• Trích thưởng HĐQT và BKS: 3% lợi nhuận sau thuế	1.550.824.948

Toàn bộ số phân phối lợi nhuận để trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng HĐQT và BKS năm 2020, Tổng Công ty đã tạm trích trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

(ii) Tổng Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng HĐQT và BKS từ lợi nhuận năm 2021 trong năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 16/2021/HĐQT ngày 25/6/2021, với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng với tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 2.500.196.615 VND, quỹ phúc lợi với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 1.250.098.307 VND, Quỹ thưởng HĐQT và BKS với tỷ lệ 3% trên lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 750.058.984 VND.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
			tính theo mệnh giá VND			tính theo mệnh giá VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	27,69%	5.040.000	50.400.000.000	27,69%	5.040.000	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	26,71%	4.861.206	48.612.060.000	24,89%	4.530.000	45.300.000.000
Bà Trần Linh Trang	7,80%	1.420.000	14.200.000.000	7,80%	1.420.000	14.200.000.000
Cổ đông khác	37,80%	6.878.794	68.787.940.000	39,62%	7.210.000	72.100.000.000
Tổng	100%	18.200.000	182.000.000.000	100%	18.200.000	182.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức đã chia	21.840.000.000	45.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.200.000	18.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.569.314.206	31.399.897.713
Tổng	36.569.314.206	31.399.897.713

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.678.290.994.617	2.640.846.490.210
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.309.612.843	11.948.622.656
Tổng	1.687.600.607.460	2.652.795.112.866
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>114.412.473.573</i>	<i>95.739.289.087</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	1.176.689.571	1.058.737.810
Hàng bán bị trả lại	5.786.823.446	7.293.962.678
Tổng	6.963.513.017	8.352.700.488

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.344.241.320.971	2.084.963.702.912
Giá vốn cung cấp dịch vụ	559.005.277	1.361.998.434
Tổng	1.344.800.326.248	2.086.325.701.346

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	5.068.529.415	4.400.466.659
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.106.551.000	17.299.868.278
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.148.694.636	23.762.515.442
Lãi do thanh lý khoản đầu tư	-	3.289.715.086
Tổng	33.323.775.051	48.752.565.465

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	31.297.863.909	41.264.789.866
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.677.838.266	19.421.820.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.969.405.193	2.795.250.850
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	929.197.766	33.843.518.827
Tổng	43.874.305.134	97.325.380.122

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	36.988.355.960	59.401.769.114
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.077.691.001	3.560.620.055
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	853.941.931	3.034.238.082
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.122.217.692	5.440.260.360
Thuế, phí, lệ phí	63.428.000	100.598.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.198.383.081	185.997.028.990
<i>Chi phí hoa hồng</i>	<i>23.050.235.640</i>	<i>55.256.117.929</i>
<i>Chi phí xuất nhập khẩu</i>	<i>27.128.679.747</i>	<i>22.092.190.442</i>
<i>Thuê mặt bằng, thuê kho</i>	<i>13.735.237.053</i>	<i>15.848.843.126</i>
<i>Chi phí quảng cáo</i>	<i>13.862.605.887</i>	<i>6.572.088.920</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	<i>32.421.624.754</i>	<i>86.227.788.573</i>
Chi phí bằng tiền khác	6.422.664.012	14.510.628.255
Tổng	163.726.681.677	272.045.143.672

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	85.159.741.956	118.921.190.177
Chi phí vật liệu quản lý	8.150.133.192	8.380.071.100
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.006.223.305	2.302.033.995
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.073.674.727	13.989.150.936
Thuế phí và lệ phí	7.504.677.823	1.247.652.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.247.213.665	25.418.173.138
Chi phí bằng tiền khác	10.599.622.545	21.456.383.484
Tổng	145.741.287.213	191.714.655.084

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	13.507.495.350	9.272.831.221
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	591.204.132	580.948.252
Xử lý chênh lệch gia công	-	83.976.096
Thu nhập từ tài trợ	-	-
Thu nhập do xử lý công nợ	7.894.481	1.142.388.487
Khác	12.908.396.737	7.465.518.386
Chi phí khác	55.586.714	177.923.689
Các khoản phạt	-	16.085.511
Khác	55.586.714	161.838.178
Lợi nhuận khác	13.451.908.636	9.094.907.532

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	723.924.880.787	893.826.792.308
Chi phí nhân công	262.384.486.798	475.528.456.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.658.704.984	53.233.561.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.890.738.521	828.580.905.635
Chi phí khác bằng tiền	27.432.230.615	35.967.011.739
Tổng	1.198.291.041.705	2.287.136.727.829

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.270.177.858	54.879.005.151
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế</i>	<i>3.177.431.707</i>	<i>3.280.273.328</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.249.740.925</i>	<i>2.183.309.144</i>
<i>Chi phí khấu hao vượt định mức</i>	<i>502.128.673</i>	<i>1.080.878.673</i>
<i>Các khoản phạt</i>	<i>8.120.225</i>	<i>16.085.511</i>
<i>Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020</i>	<i>1.417.441.884</i>	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(11.106.551.000)	(34.827.818.990)
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>(11.106.551.000)</i>	<i>(17.299.868.278)</i>
<i>Đánh giá chênh lệch tỷ giá</i>	-	<i>(638.847.310)</i>
<i>Tăng chi phí được trừ do chuyển chi phí lãi vay năm 2019 theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày</i>	-	<i>(16.889.103.402)</i>
Thu nhập chịu thuế	21.341.058.565	23.331.459.489
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành trong kỳ	4.268.211.713	4.666.291.898
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do kê khai lại thuế TNDN năm 2018 theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	-	(1.481.451.680)
Thuế TNDN hiện hành	4.268.211.713	3.184.840.218

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 01/01/2022, dịch bệnh COVID-19 vẫn đang có những diễn biến phức tạp và không chắc chắn tại Việt Nam và trên thế giới. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Tổng Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.9, năm 2022 Tổng Công ty sẽ tiếp tục chuyển nhượng 1.275.000 cổ phần của Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè với giá chuyển nhượng 10.000 đồng/cổ phần.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ
Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên HĐQT
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Văn Thập	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT
Ông Phan Văn Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Dân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng quản trị	Thù lao	636.000.000	636.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	216.000.000	216.000.000
Ban Tổng giám đốc	Lương, thưởng	5.492.763.831	5.225.430.927
Tổng		6.344.763.831	6.077.430.927

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch bán hàng trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 (Trình bày lại) VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần May Sông Tiền - Xi nghiệp May An Giang	Công ty liên kết	Bán quần áo	13.980.000	2.514.880
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	409.221.863	590.929.727
		Bán quần áo	31.003.637	204.018.882
		Khác	2.389.968.407	-
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	6.000.000	9.000.000
Công ty Cổ phần May An Nhơn		Bán hàng hóa, dịch vụ khác	30.980.000	6.700.000
		Bán quần áo	19.500.045	24.860.000
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	76.282.153	176.053.935
		Bán quần áo	-	204.861.388
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	589.273.409	163.603.500
		Bán quần áo	453.490.908	889.406.043
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	465.410.248	42.613.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch bán hàng (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 (Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	107.927.563.583	88.852.429.501
		Bán quần áo	-	159.610.475
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	-	6.300.000
		Bán quần áo	-	1.718.816.494
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	69.518.678	145.721.268
		Bán quần áo	-	81.136.670
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	143.115.845	13.120.767
		Bán quần áo	30.300.909	91.146.482
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	31.814.600	7.270.000
		Bán nguyên phụ liệu	313.089.540	373.680.665
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	112.680.818	125.076.818
		Bán quần áo	432.598.500	83.202.197
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	235.865.455	399.098.785
		Bán quần áo	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	145.205.139	340.538.036
		Bán quần áo	-	73.302.071
Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	482.892.562	274.204.051
		Bán quần áo	-	36.087.668
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	-	600.000.000
Tổng			114.412.473.573	95.739.289.087

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua hàng

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
CN Công ty Cổ phần May Sông Tiền - Xí nghiệp May An Giang	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	-	308.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Dịch vụ vận chuyển	17.770.401.215	37.947.938.537
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	11.291.773.885	15.196.233.505
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Dịch vụ gia công	11.616.362.686	23.146.520.984
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	15.715.742.524	30.016.079.879
		Hàng hóa dịch vụ khác	141.949.501	214.625.318
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	47.635.663.477	37.686.772.329
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ gia công	89.061.278.090	90.725.781.891
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	38.918.335.953	59.454.348.162
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Dịch vụ gia công	39.038.285.025	59.573.287.441
		Dịch vụ khác	1.650.000.000	29.473.750
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	12.522.550.118	36.811.962.152
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	18.091.502.640	9.772.754.127
		Dịch vụ khác	-	3.735.270
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Dịch vụ gia công	43.701.434.045	40.965.830.051
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Hàng hóa dịch vụ khác		11.410.000
		Thiết bị, công cụ dụng cụ	4.200.000	205.210.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Dịch vụ sửa chữa	3.200.000	-
		Thiết bị, công cụ dụng cụ	1.021.934.595	2.302.529.980
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	-	3.177.865.910
Tổng			348.184.613.754	447.551.059.286

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 (Trình bày lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		158.981.031.438	144.056.826.949
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	244.506.575	125.438.257
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	-	8.228.000
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	117.658.058.506	103.422.830.001
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	2.667.426.287	2.672.978.681
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	1.185.115.794	1.175.364.734
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	-	6.621.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	639.727.000	451.572.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	502.744.000	114.004.000
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	3.324.850.000	3.324.850.000
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	7.018.000	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	32.751.585.276	32.754.940.276
Công ty Cổ phần Du lịch Cam Bình resort	Công ty con	6.600.000	-
Trả trước người bán ngắn hạn		38.913.899.581	40.840.842.646
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	22.248.333.747	21.175.276.812
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	16.665.565.834	16.665.565.834

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khác ngắn hạn		70.772.362.082	53.271.338.303
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	2.087.115.475	134.037.463
Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết	4.120.986.302	4.011.835.616
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	-	-
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	-	403.310.873
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	954.663.748	954.663.748
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	26.259.359.027	26.259.359.027
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	18.285.518.191	9.009.011.260
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	4.445.084.380	3.601.259.217
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	-	712.161.906
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	71.862.106	59.108.100
Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	261.506.417	227.341.781
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	8.679.249.309	7.899.249.312
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	1.519.993.027	-
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	1.537.024.100	-
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	2.550.000.000	-
Phải thu khác dài hạn		24.700.000.000	24.700.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	12.700.000.000	12.700.000.000
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	12.000.000.000	12.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
<u>Phải trả người bán</u>		112.909.526.355	77.571.576.849
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	4.891.935.891	2.664.283.628
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	1.251.128.276	796.629.393
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	12.864.966.305	18.879.480.647
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	16.033.301.750	6.805.070.353
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	33.454.019.687	19.440.022.894
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	6.884.765.564	5.823.606.315
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	12.332.435.082	2.492.891.254
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	7.908.310.985	539.617.435
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	16.950.198.294	20.129.974.930
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	218.804.276	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	119.660.245	-
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>		83.217.739.725	1.887.175.966
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	-	37.927.004
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	19.970.465.753	1.849.248.962
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	59.131.547.945	-
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	4.115.726.027	-
<u>Doanh thu chưa thực hiện</u>		3.364.658.096	3.486.353.704
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	3.364.658.096	3.486.353.704

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Nguyễn Ngọc Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022
Trưởng phòng kế toán



Đặng Minh Tuyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân